

đánh giá cao những thành tựu kinh tế VN năm 2002 và nhất trí tài trợ 2,5 tỷ USD trong năm 2003.

Kinh tế tăng trưởng khá, thu ngân sách tăng 12% so với năm 2001 vượt dự toán 8%. Thị trường sôi động, sức mua dân cư tăng 12% do thu nhập và đời sống nhân dân, nhất là khu vực nông thôn tăng trên 10%. Lạm phát được kiềm chế, giảm phát bị đẩy lùi, chỉ số giá 4% đạt kế hoạch đề ra. Xã hội ổn định, quốc phòng an ninh được giữ vững, vị thế VN trên trường quốc tế được củng cố và nâng cao.

Điều đáng mừng là những thành tựu đó đạt được trong điều kiện có nhiều khó khăn và thách thức, có mặt gay gắt hơn năm trước. Song, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành nhạy bén của Chính phủ với nhiều chủ trương, chính sách hợp lòng dân, sự chỉ đạo của các ngành các cấp sát sao và hiệu quả hơn, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và 18 triệu hộ gia đình đã đồng tâm hiệp lực phát huy nội lực, vượt lên khó khăn và thách thức, tranh thủ thời cơ và thuận lợi để phát triển sản xuất, tăng trưởng kinh tế đi cùng với ổn định xã hội và quan tâm nhiều hơn đến yếu tố con người. Vì vậy, năm 2002 VN được thế giới công nhận là nước có môi trường xã hội an toàn nhất: "một điểm đến thuận lợi nhất". Những ngày chuẩn bị đón xuân 2003, đất nước ta lại vui mừng đón nhận lời khen của bạn bè quốc tế. Báo cáo cuối năm 2002 của Liên hiệp quốc đã ca ngợi nhiều thành tựu về xã hội của VN, trong đó nổi bật là "giảm một nửa tỷ lệ hộ nghèo sau 15 năm đổi mới", "đã tăng đáng kể khả năng người dân tiếp cận giáo dục tiểu học, nước sạch và vệ sinh môi trường...chất lượng cuộc sống được nâng cao đáng kể", "phần lớn kết quả đạt được nhờ công cuộc đổi mới".

Dẫu rằng, trước mắt vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức nhưng những gì đã đạt được trong năm 2002 là thành tựu to lớn, là niềm tự hào chính đáng. Đó là thành quả tất yếu của sự nghiệp đổi mới do Đảng ta đề xướng và lãnh, đã đơm hoa kết trái trong năm 2002 và là hành trang nâng bước 80 triệu người dân đất Việt vững bước vào năm 2003 đầy triển vọng. Xa xa, ngoài khơi bờ biển Vũng Tàu, đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn dài nhất thế giới (460 km) của dự án lớn nhất VN 1,3 tỷ USD vừa khánh thành

vào những ngày cuối năm 2002 đã bắt đầu dẫn khí vào nhà máy Dinh Cố để từ đó đến nhà máy điện Phú Mỹ 1, 2, 3 tạo nên "Viên gạch đầu tiên cho công nghiệp khí VN với công suất ban đầu 3 tỷ m³/năm, chắc chắn sẽ là "động lực của động lực phát triển công nghiệp cả nước năm 2003".

Xin viện dẫn vài thí dụ nhỏ nhoi trên đây để mỗi người VN chúng ta vững lòng tin vào con đường mà Đảng ta đã chọn, mục tiêu quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ II đã thông qua, trong đó tốc độ tăng GDP từ 7 - 7,5% là đúng đắn, hoàn toàn có thể thực hiện được. Kết quả và sự khởi sắc của nền kinh tế 3 tháng cuối năm đã chứng minh điều đó: Tốc độ tăng GDP quý IV đạt 7,4%, các chỉ số kinh tế khác đều đạt mức cao nhất trong năm. Những tháng cuối năm, trời như chiều người, thời tiết thật thuận lợi nên nông nghiệp thêm bội thu, công nghiệp tăng trưởng cao chưa từng thấy,

khách du lịch quốc tế tăng vọt, khách sạn không còn chỗ, xuất khẩu hứa hẹn đạt kế hoạch cả năm và bỏ lại phía sau những lo toan, tính toán ban đầu. Tất cả những tín hiệu tốt lành đó đã và đang tạo ra thế và lực mới để chúng ta bước vào năm 2003 với niềm tin và hy vọng tràn đầy.

Chào năm 2003, chào mùa xuân mới, chúng ta tin tưởng vững chắc rằng năm 2003, hoa của đất trời và hoa của lòng người sẽ nở rộ với hương thơm ngào ngạt và màu sắc đẹp tươi sẽ lan tỏa khắp mọi miền tổ quốc VN và các nước bạn bè gần xa trên thế giới.

Để thiết thực chào đón năm 2003, mỗi người chúng ta hãy làm việc nhiều hơn, tốt hơn và hiệu quả hơn, góp sức lực và trí tuệ của mình cùng đồng bào cả nước thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm bản lề của kế hoạch 5 năm đầu thế kỷ 21 ■

Triển vọng kinh tế Việt Nam

NGUYỄN QUÂN

1. Tổng quan năm 2002

Năm 2002, nền kinh tế VN phát triển trong điều kiện có nhiều khó khăn lớn, có mặt gay gắt hơn năm 2001. Ở trong nước thiên tai diễn ra trên diện rộng, kéo dài từ đầu năm đến cuối năm: Hạn hán gay gắt ở Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và miền Trung, lý lớn kéo dài và ngập sâu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, mưa lớn lốc xoáy và lũ quét xảy ra gây thiệt hại nặng nề về tài sản, mùa màng, sinh mạng ở nhiều vùng và địa phương từ Hà Giang, Bắc Cạn, Hà Tĩnh, Nghệ An, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Bình Định và cả vùng Đông Nam Bộ. Cùng với thiên tai, những vụ hỏa hoạn lớn nhất từ trước đến nay đã xảy ra: cháy rừng U Minh Hạ và U Minh Thượng, cháy Trung tâm thương mại quốc tế Sài Gòn...đã và đang để lại những hậu quả

hết sức nặng nề. Ở ngoài nước tình trạng suy thoái kinh tế vẫn diễn ra trên phạm vi toàn cầu. Kinh tế thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, có nhiều mặt bất lợi cho kinh tế VN. Thị trường vốn và thị trường xuất khẩu hàng hóa VN bị thu hẹp, giá cả vừa giảm sút vừa không ổn định, ảnh hưởng xấu đến sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản trong nước. Bên cạnh đó, những khó khăn và yếu kém của các năm trước vẫn chưa được khắc phục: Điểm xuất phát của nền kinh tế thấp, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội không đồng bộ, lao động thừa nhiều, việc làm thiếu, thu nhập thấp, sức mua của dân cư tăng chậm, vốn thiếu, máy móc thiết bị không đồng bộ, xu hướng sản xuất tự cấp tự túc và tự phát còn phổ biến ở hầu hết các ngành, các địa phương.

Trước những khó khăn và thách thức lớn lao đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng và điều hành của Chính phủ, các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương và cơ sở đã chủ động phát huy nội lực, lao động sáng tạo, thực hiện tốt các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2002 với những kết quả khả quan.

Những thành tựu nổi bật

Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp phát triển toàn diện, tăng trưởng vượt kế hoạch đề ra và cơ cấu sản xuất chuyển dịch theo hướng tiến bộ.

Công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2002 ước đạt 268,2 nghìn tỷ đồng (giá cố định 1994) tăng 14,4% so với năm 2001, vượt mục tiêu đề ra (tăng 14%). Nét mới của năm nay là cả ba khu vực kinh tế đều tăng trưởng khá, trong đó cao nhất là công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 19,1% do tác động tích cực của Luật doanh nghiệp. Công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 13,9% do sản lượng dầu thô và khí đốt khai thác giảm so với cùng kỳ 1,7%. Công nghiệp khu vực nhà nước tăng 11,7% (trong đó trung ương quản lý tăng 12,6%) và giữ vững vị trí chủ đạo với tỷ trọng 40% tổng giá trị sản xuất toàn ngành. Đáng chú ý là khu vực doanh nghiệp nhà nước đang thực hiện chủ trương cổ phần hóa, đã phát huy tác dụng tích cực trong đổi mới cơ cấu đầu tư, cải tiến quản lý và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Sự vực dậy và khởi sắc của ngành cơ khí chế tạo và sức bật của công nghiệp địa phương, qui mô vừa và nhỏ, các làng nghề nông thôn là tín hiệu mới rất đáng ghi nhận của sản xuất công nghiệp năm 2002. Máy công cụ tăng 13,9%, trong đó địa phương tăng 59,6%, máy biến thế tăng 23,1%, riêng địa phương tăng 36%, xà phòng tăng 24,5%, riêng địa phương tăng 44%. Một số mặt hàng cơ khí chất lượng cao đủ tiêu chuẩn xuất khẩu như các loại máy xay xát, động cơ diesel, động cơ xăng, phụ tùng thay thế... của Tổng công ty động lực và máy nông



Ảnh Hòa Tấn

nông nghiệp xuất khẩu cho các nước nam châu Âu, nam châu Phi và Nam Mỹ, máy công cụ các loại của Công ty máy và thiết bị công nghiệp xuất khẩu sang thị trường Mỹ và Thái Lan. Công nghiệp khu vực ngoài quốc doanh nhiều lĩnh vực tăng đột biến: Phú Thọ tăng 45,8%, Vĩnh Phúc tăng 55,6%, Khánh Hòa tăng 31,3%, Bình Dương tăng 30,2%, Đồng Nai tăng 42,25%, Cần Thơ tăng 36,15 đã mở ra diện mạo mới trong sản xuất công nghiệp với cơ cấu đa thành phần, đa sản phẩm có nhiều triển vọng trong những năm tới. Chất lượng nhiều sản phẩm công nghiệp được yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu, rõ nhất là dệt may, chế biến lương thực, thực phẩm, thủy sản. Giá gạo xuất khẩu VN năm 2002 đã không thua kém gạo Thái Lan (gạo 5% tấm 193 - 195 USD/tấn; 25% tấm 175 - 176 so với 190 - 191 và 175 - 177 USD gạo Thái Lan) một phần do công nghệ chế biến và đánh bóng gạo có tiến bộ. Tương tự như vậy đối với chè: sản lượng xuất khẩu tăng 83%, kim ngạch tăng 79% so với năm 2001. Ngành than có bước tiến đột biến: sản xuất 15 triệu tấn, tăng 2.0 triệu tấn, xuất khẩu 5,5 triệu tấn, tăng 30% so với 2001 và đạt mức kỷ lục trong lịch sử ngành này. Nguyên nhân chủ yếu là do tăng đầu tư gấp 2 lần 2001 đồng thời đổi mới cơ cấu đầu tư, hướng mạnh vào đổi mới máy móc thiết bị và công nghệ khoan

xúc, bốc xếp để tăng năng suất lao động và giảm chi phí sản xuất.

Nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp và thủy sản khởi sắc toàn diện. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất đạt 5% vượt xa so với kế hoạch (4,2%). Nét nổi bật của năm 2002 là sản xuất lương thực tăng nhanh cả về sản lượng và chất lượng. Sản lượng đạt 35,9 triệu tấn tăng 1,6 triệu tấn so với năm 2001 (4,6%) và mức cao nhất từ trước đến nay. Nhờ sản lượng lương thực tăng nhanh hơn nhiều lần tốc độ tăng dân số nên lương thực bình quân đầu người năm 2002 đạt trên 450 kg/đầu người, tăng 17 kg (3,9%) so với năm 2001. An ninh lương thực quốc gia đảm bảo, thị trường và giá cả lương thực ổn định trên phạm vi cả nước kể cả những vùng bị thiên tai, gạo xuất khẩu tăng cả về số lượng và chất lượng. Cả năm ước đạt 3,5 triệu tấn và kim ngạch trên 800 triệu USD, tăng 212 triệu USD (36%) so với năm 2001, chủ yếu do tăng chất lượng và giá xuất khẩu. Nét mới trong sản xuất lương thực năm nay là sản lượng lúa tăng chủ yếu do tăng năng suất và chuyển đổi cơ cấu mùa vụ. Diện tích lúa cả năm đạt 7.463 nghìn ha, giảm 35 nghìn ha, năng suất đạt 45,1% tạ/ha, tăng 2,2 tạ/ha, làm sản lượng đạt 33,6 triệu tấn, tăng 1,51 triệu tấn so với năm trước. Cơ cấu sản xuất chuyển mạnh từ lúa mùa và lúa hè thu

năng suất và chất lượng không ổn định sang lúa đông xuân năng suất, chất lượng và giá cả cao hơn. Năm 2002, sản lượng lúa đông xuân đạt 16,7 triệu tấn, chiếm gần 50% sản lượng lúa cả năm, so với 48% của năm 2001 là thí dụ rõ nét.

Xu hướng chuyển đổi cơ cấu sản xuất trồng trọt theo hướng tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích diễn ra phổ biến đã khắc phục tình trạng độc canh lúa ở nhiều vùng và địa phương. Tỷ trọng diện tích lúa giảm từ 60,6% năm 2000 xuống 59,9% năm 2001 và 58,9% năm 2002. Tương tự như vậy với diện tích cà phê 2002/2001 giảm gần 30 nghìn ha (5,3%) do giá giảm. Trong khi đó diện tích gieo trồng cây trồng khác lại tăng như chè, bông, dưa, rau quả...do sản phẩm có đầu ra ổn định và giá và có lợi cho người sản xuất. Xu hướng chuyển một phần diện tích lúa vùng ven biển năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản đạt kết quả và hiệu quả khá. Riêng các tỉnh Nam bộ đã chuyển gần 30 nghìn ha, nhiều nhất là Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Bình Thuận, Ninh Thuận, TP.HCM.

Sản xuất thủy sản phát triển toàn diện và tăng trưởng khá, sản lượng thủy sản cả năm ước đạt 2.562 ngàn tấn, tăng 1.279 ngàn tấn (5,3%) so với năm 2001, chủ yếu do tăng sản lượng nuôi trồng. Sản lượng thủy sản nuôi trồng cả năm ước đạt 789,4 ngàn tấn tăng 11,2% so với năm 2002, trong đó tôm nuôi 189 ngàn tấn tăng 21,9%, cá nuôi 446 ngàn tấn tăng 6%. Cơ cấu sản xuất ngành thủy sản chuyển dịch theo hướng tiến bộ: tỷ trọng nuôi trồng trong tổng giá trị sản xuất thủy sản tăng từ 43,7% tăng lên 45,7%, năm 2002. Tỷ trọng sản lượng nuôi trồng từ 29,7% tăng lên 30,8% trong 2 năm tương ứng. Tỷ trọng thủy sản khai thác giảm cả về giá trị và sản lượng, nên tính bền vững trong phát triển thủy sản ngày càng rõ nét.

Du lịch & dịch vụ

Các hoạt động du lịch - dịch vụ sôi động trở lại sau

nhiều năm trầm lắng, thị trường giá cả ổn định, xuất khẩu có nhiều khởi sắc.

Tổng mức bán lẻ năm 2002 ước đạt 268,3 nghìn tỷ đồng tăng 12,7% so với cùng kỳ và đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2001 (8,5%). Sức mua của dân cư đã tăng nhanh sau nhiều năm trầm lắng. Thị trường trên phạm vi cả nước ổn định, lưu thông hàng hóa tăng đều ở các vùng và các địa phương kể cả vùng bị thiên tai, vùng miền núi, vùng sâu. Nhiều mặt hàng trong nước sản xuất có mẫu mã đẹp, kiểu dáng phong phú, chất lượng được nâng lên, giá cả phải chăng đã chiếm lĩnh được thị trường không chỉ làm tăng giá trị ngành công nghiệp mà còn góp phần làm tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ. Sức mua tăng nên tình trạng thiếu phát kéo dài từ 3 năm trước (1999: tăng 0,1%; 2000: giảm 0,6% và 2002 tăng 0,8%) đã được khắc phục. Chỉ số giá tiêu dùng cả năm ước tăng 4,0% đạt mục tiêu kế hoạch đề ra. Đó là kết quả của chính sách kích cầu tiêu dùng của chính phủ với nhiều giải pháp có tính khả thi, nhất là chính sách miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp và giải quyết việc làm ở

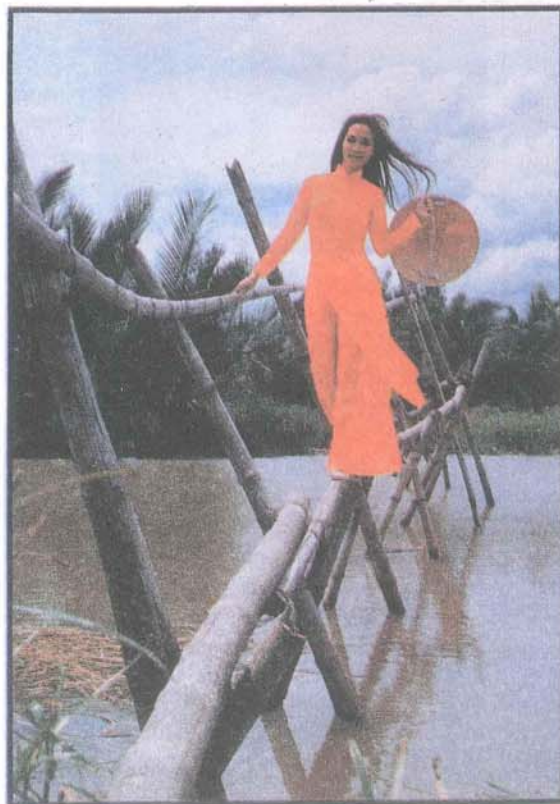
khu vực nông thôn.

Hoạt động du lịch khá sôi động, lượng khách quốc tế đến VN ước đạt 2,6 triệu lượt người tăng 10,3% so với năm 2001, trong đó 54,6% là khách du lịch và nghỉ ngơi. Chất lượng dịch vụ có tiến bộ nên số ngày khách lưu lại VN nhiều hơn, doanh thu du lịch tăng khoảng 20% so 2001.

Tổng sản phẩm quốc nội

Do sản xuất và dịch vụ tăng khá nên bức tranh toàn cảnh của nền kinh tế VN năm 2002 là khả quan. Tổng sản phẩm quốc nội GDP cả năm ước đạt 541 nghìn tỷ đồng (giá thực tế), tăng 7% so với năm 2001. Đáng chú ý là xu hướng tăng quý sau cao hơn quý trước: quý I tăng 6,6%; 6 tháng tăng 6,7%; 9 tháng tăng 6,9% và quý IV ước tăng 7,4%. Điều đó thể hiện tính bền vững và ổn định trong tăng trưởng sản xuất của các ngành sản xuất và dịch vụ, gắn với sự chỉ đạo kịp thời, thường xuyên, nhạy bén của chính phủ, các cấp, các ngành trong năm 2002. Tốc độ tăng GDP 7% (kế hoạch 7 - 7,3%) trong điều kiện có nhiều khó khăn và thách thức lớn của năm 2002 là thành công rất đáng tự hào. Với kết quả đó, VN được xếp vào nhóm nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế năm nay cao nhất cùng với Trung Quốc 8% và Hàn Quốc. Điều đó đã được thế giới thừa nhận. Báo cáo phát triển VN năm 2003 của Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) ngày 11.11 đã khẳng định năm 2002 kinh tế VN khả quan "tốc độ tăng GDP của VN ước đạt cao hơn dự kiến trước đây và có xu hướng tăng so với năm trước".

Kinh tế tăng trưởng nên thu - chi ngân sách có nhiều tiến bộ. Theo Bộ tài chính, thu ngân sách cả năm ước tăng 11 - 12% so với năm 2001 và vượt dự toán khoảng 6,5%, mặc dù nguồn thu bị giảm 1.500 tỷ đồng do miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp và bỏ nhiều khoản phí và lệ phí theo pháp lệnh mới. Chi ngân sách nhà nước đảm bảo và khả năng vượt dự toán 2,6%.



Mục tiêu xã hội

Kinh tế phát triển, thị trường và giá cả ổn định tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt các mục tiêu xã hội. Năm 2002 đã tạo việc làm mới cho 1,4 triệu lao động. Nhờ đó, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị giảm từ 6,28% năm 2001 xuống còn 6,01% năm 2002, giảm 0,27%, tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động khu vực nông thôn từ 74,37% lên 75,41% trong 2 năm tương ứng. Cơ cấu ngành nghề của lao động nông thôn chuyển dần từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Tỷ trọng lao động nông nghiệp năm 2002 là 78,4% so với 82,7% năm 2000, số tuyệt đối giảm 23 nghìn người. Tỷ trọng lao động công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn tăng từ 7,8% lên 15,4% trong 2 năm tương ứng. Đó là tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn nhanh nhất từ trước đến nay và mở ra triển vọng mới để thực hiện mục tiêu đến năm 2010 chỉ còn 50% lao động nông nghiệp ở khu vực nông thôn. Đó cũng là kết quả cụ thể của chính sách khuyến khích phát triển làng nghề và dịch vụ, chương trình 773 về tạo việc làm của nhà nước những năm qua đến lúc phát huy tác dụng. Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cho cán bộ HTX nông nghiệp được Nhà nước quan tâm và đầu tư cao hơn các năm trước nên đã đem lại kết quả tích cực. Ước tính năm 2002, cả nước đã đào tạo nghề cho khoảng 1 triệu lao động, đạt mục tiêu đề ra. Các ngành, các địa phương đã có nhiều chủ trương, biện pháp tích cực tạo việc làm mới và đào tạo nghề nghiệp góp phần tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho người lao động.

Đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp dân cư được cải thiện. Thu nhập tăng khoảng 10% so với năm trước. Ở khu vực nông thôn, do nông nghiệp được mùa và nhiều nông sản được giá (riêng giá lương thực tăng 8,6% so với cùng kỳ) nên thu nhập của nông dân tăng khá. Mặc dù số địa phương bị thiên tai tăng so với 2001, nhưng tình trạng thiếu đói giáp hạt giảm 9,6% về số hộ và 11,45% về số khẩu so với cùng kỳ năm 2001. Chương trình xóa đói giảm nghèo, đến ơn đáp nghĩa, trợ giúp các đối tượng

chính sách được Nhà nước, các ngành, các cấp của toàn xã hội quan tâm đúng mức và đạt kết quả tốt. Tỷ lệ hộ nghèo đã giảm còn 14 - 15%, đạt mục tiêu đề ra.

Kinh tế tăng trưởng cao, xã hội ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện, nên tình hình chính trị ổn định, quốc phòng an ninh được giữ vững, quan hệ quốc tế được mở rộng, vị thế VN trên trường quốc tế được củng cố và nâng cao. Điều đáng mừng là năm 2002, VN được quốc tế công nhận là nước có môi trường xã hội an toàn nhất. Đó là những thành tựu to lớn của năm 2002 cần khẳng định rõ ràng và là niềm tự hào



Ảnh Hòa Tấn

chính đáng. Nguyên nhân bao trùm của thành quả đó là đường lối đổi mới đúng đắn của đảng được cụ thể hóa trong Nghị quyết đại hội IX, các nghị quyết của Ban chấp hành trung ương khóa IX, hàng loạt cơ chế, chính sách hợp lòng dân của Nhà nước và sự điều hành nhạy bén, kịp thời và hiệu quả của chính phủ, sự chỉ đạo sát sao của các ngành, các cấp và ý thức tự lực, tự cường của toàn dân.

Yếu kém và hạn chế

Song, bên cạnh những thành tựu rất cơ bản đó, kinh tế nước ta năm 2002 vẫn còn những yếu kém và hạn chế.

- Thứ nhất: Mặt yếu cơ bản và rõ nét nhất của kinh tế nước ta năm 2002 là chất lượng tăng trưởng và hiệu quả chưa cao, sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ còn thấp và tăng chậm. Điều đó thể hiện rõ nét nhất trong công nghiệp. Năm 2002, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất toàn ngành đạt 14,4% nhưng tốc độ tăng GDP của ngành này chỉ có 10% so với 14,2% và 10,4% của năm 2001. Nguyên nhân chủ yếu là chi phí sản xuất công nghiệp năm 2002 cao, chiếm 4,4% trong đó tốc độ tăng giá trị sản xuất so với 3,8% năm 2001. Nói cách khác: chi phí sản xuất công nghiệp năm 2002 tăng 3,9% so với năm 2001, làm tăng giá thành sản phẩm từ đó giảm sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Tình hình tương tự cũng diễn ra ở các ngành khác như nông nghiệp, thủy sản, dịch vụ.

- Thứ hai: Đầu tư nước ngoài giảm sút lớn về số đầu tư: 10 tháng đầu năm 2002 cả nước có 543 dự án được cấp phép với tổng số vốn 1.085,1 triệu USD so với cùng kỳ năm trước, số dự án tăng 30,4% nhưng số vốn đăng ký giảm 47,6%. Riêng TP.HCM có 173 dự án và 235,9 triệu USD, tăng 35,2% về số dự án nhưng số vốn giảm 59%. Vốn bình quân 1 dự án rất ít: cả nước là 2 triệu USD, riêng TP.HCM là 1,4 triệu USD (cùng kỳ 2001 là 4,5 triệu USD). Nguyên nhân chủ yếu là môi trường đầu tư chưa thật thuận lợi, giá thuê đất và giá đầu vào còn cao, giải phóng mặt bằng khó khăn, thủ tục xét duyệt và cấp phép dù đã cải thiện song vẫn còn nhiều phiền hà. Trong khi đó sự cạnh tranh gay gắt giữa các nước trong khu vực ngày càng tăng (Trung Quốc 10 tháng đầu năm 2002 thu hút 46,44 tỷ USD vốn FDI, tăng 20% so với cùng kỳ, xuất khẩu tăng 19,6%).

- Thứ ba: Đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đạt thấp. 10 tháng đầu năm mới thực hiện 18.652 tỷ đồng, bằng 84,9% kế hoạch năm. Nhiều công trình không đảm bảo chất lượng và tiến độ, thất thoát vốn trong xây dựng cơ bản còn lớn, phổ biến 5 - 10%, có công trình 20%. Xu hướng đầu tư dàn đều, theo hội chứng vẫn còn, rõ nhất là xi măng, mía đường, bến cảng. Những mâu thuẫn giữa yêu cầu tiến độ giải ngân với giải phóng mặt bằng

đang gây khó khăn và tăng chi phí cho chủ đầu tư và tăng chi phí cho chủ đầu tư và các nhà thầu vẫn chưa được khắc phục. Chương trình quốc gia trồng mới 5 triệu ha rừng, đánh bắt hải sản xa bờ biển tiến triển chậm và hiệu quả thấp, khó đạt mục tiêu đề ra.

- Thứ tư: Một số vấn đề xã hội bức xúc có mặt còn gay gắt hơn: tệ nạn xã hội, nhất là ma túy chưa giảm, tai nạn và ách tắc giao thông tăng, chất lượng giáo dục, y tế chưa có chuyển biến đáng kể, kể cả thành thị và nông thôn, lao động thừa, việc làm thiếu và thu nhập thấp nhất là khu vực nông thôn vẫn là những vấn đề nổi cộm của năm 2002 nhưng chưa được giải quyết thỏa đáng.

Những mặt yếu kém và hạn chế tuy còn nhiều và diễn biến phức tạp, song suy cho cùng không phải là cơ bản. Đảng, nhà nước, các ngành, các cấp đã nhìn nhận đúng mức và có nhiều chủ trương, biện pháp để khắc phục và hạn chế nó phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế của nước ta.

2. Triển vọng năm 2003

Năm 2003 có vị trí bản lề của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 nên có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Vì vậy, kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XI đã ra Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nước ta năm 2003 với hai phương án khả thi cùng nhiều chủ trương và biện pháp tích cực và đồng bộ. Phương án 1 tăng GDP 7% và phương án 2 tăng GDP 7,5%. Mỗi phương án đều có cơ sở khoa học và thực tế nước ta trong bối cảnh hội nhập với thế giới và khu vực của năm 2003 đồng thời xuất phát từ kết quả đạt được của năm 2002. Song dù phương án nào cũng đòi hỏi các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương và cơ sở phải quán triệt phương châm dựa vào sức mình là chính, phát huy nội lực đồng thời tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài để giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất trong nước nhằm đạt kết quả và hiệu quả kinh tế xã hội cao nhất trong điều kiện hiện nay của mỗi ngành và mỗi địa phương.

Sản xuất công nghiệp năm 2003 vẫn là ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu GDP (khoảng 39% so với

38,3% năm 2002). Muốn vậy, tốc độ tăng trưởng của công nghiệp và giá trị sản xuất phải đạt cao hơn, đồng thời chi phí sản xuất phải giảm so với năm 2002. Khó khăn của ngành này trong năm tới là công nghiệp khai thác dầu khí chiếm tỷ trọng lớn (10%) nhưng chưa có dấu hiệu hồi phục (10 tháng đầu năm 2002 vẫn giảm 3,3% sản lượng và 0,2% về giá trị so với cùng kỳ). Công nghiệp lắp ráp ô tô, xe máy chắc chắn sẽ giảm so với năm 2002 do chủ trương hạn chế xe máy. Công nghiệp may mặc sẽ gặp khó khăn hơn do thị trường Mỹ có khả năng thu hẹp và hạn chế quota. Công nghiệp chế biến thủy sản cũng có những khó khăn về thị trường xuất khẩu sang Mỹ. Một số ngành và sản phẩm công nghiệp có triển vọng tăng nhanh trong năm 2003 là xi măng, chế biến nông sản (rau quả, chè, hạt điều) do có thị trường xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng thị trường trong nước tăng. Sự phục hồi sức mua trong nước trong năm 2002, nhất là khu vực nông thôn do nông nghiệp được mùa, được giá đã và đang mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa công nghiệp cho năm 2003. Hiện tượng giá xi măng và vật liệu xây dựng tăng nhanh trong những tháng cuối năm 2002 cho thấy quan hệ cung - cầu hàng công nghiệp trong nước đã thay đổi theo chiều hướng khác hẳn 3 năm trước. Do vậy, tốc độ tăng trưởng công nghiệp quý IV - 2002 cao hơn các quý trước đó và xu hướng này có khả năng tiếp tục trong năm 2003. Triển vọng tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp 2003 cao hơn 2002 là có cơ sở. Khả năng này sẽ tăng lên nếu khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lấy lại đà tăng trưởng như các năm trước.

Khả năng giảm chi phí sản xuất công nghiệp tuy có nhưng không lớn do giá đầu vào tăng (nhất là điện và nhiên liệu), tốc độ cổ phần hóa doanh nghiệp công nghiệp nhà nước năm 2002 chậm (đạt 43% kế hoạch) và máy móc, thiết bị, công nghệ cũ còn chiếm tỷ lệ lớn. Tuy nhiên, nếu tổ chức quản lý tốt hơn thì khả năng giảm chi phí trung gian trong công nghiệp năm 2003 vẫn còn.

Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục phát triển ổn định và tăng trưởng như năm 2002,

thủy sản sẽ tăng nhanh nhất do quá trình chuyển một phần diện tích lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản và thực hiện mô hình 1 lúa + 1 cá thay cho mô hình 2 vụ lúa ở một số vùng đồng bằng sông Cửu Long. Phong trào nuôi tôm và thủy sản khác sẽ phát triển nhanh do có hiệu quả. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi để tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích. Dự báo sản xuất lương thực ổn định như năm 2002, nhưng cây công nghiệp có xu hướng tăng nhanh nhất là cà phê, hạt tiêu do giá thế giới tăng trong năm 2002. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi và giảm dần tỷ trọng trồng trọt.

Thị trường và giá cả tiếp tục ổn định và có khả năng sôi động hơn năm 2002 do sức mua dân cư tăng và các hoạt động du lịch, dịch vụ triển vọng có bước độ biến. Dự báo lượng khách nước ngoài đến VN năm 2003 sẽ tăng nhiều do với 2002 do các chính sách thông thoáng của nhà nước VN được thế giới công nhận là nơi có môi trường xã hội ổn định nhất khu vực hiện nay và các năm tới. Xuất khẩu có triển vọng tăng trưởng cao hơn năm 2002 do thị trường được mở rộng đặc biệt ở vùng châu Phi, Mỹ la tinh.

Kinh tế tăng trưởng nên các vấn đề xã hội sẽ có điều kiện phát triển theo hướng tích cực. Lao động việc làm, thu nhập, đời sống của tầng lớp nhân dân, công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo... sẽ được giải quyết từng bước phù hợp với yêu cầu của nhân dân và khả năng của đất nước, tiền lương và thu nhập của người lao động sẽ được cải thiện một bước trong năm 2003, qua nâng tiền lương tối thiểu theo phương án tích cực.

Triển vọng đất nước ta trong năm 2003 là khá lạc quan. Kinh tế tăng trưởng cao, xã hội ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện. Song để biến khả năng thành hiện thực, các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương và cơ sở cần phát huy nội lực, đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý, thực hiện nghiêm túc và đồng bộ các chủ trương và giải pháp của Quốc hội và Chính phủ đã đề ra ■